TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/DS-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay có cầm cố và mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Lê Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2024/TLST-DS ngày 20/6/2024 về việc "*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay có cầm cố và mượn tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2024/QĐXXST-DS ngày 31/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N, Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số I, đường T, Tổ A, Khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ F, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là bà Trần Thanh L trình bày:

Ngày 03/02/2023, ông T có ký hợp đồng cầm cố tài sản để vay số tiền 220.000.000 đồng với Công ty C, lãi suất trong hạn 1.1%/tháng, lãi suất quá

hạn: 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ 1.9%/tháng. Thời hạn vay 36 tháng, ngày thanh toán: định kỳ vào ngày 03. Đã giải ngân vào ngày 03/02/2023.

Tài sản cầm cố: Xe ô tô tải, nhãn hiệu FORLAND, loại THACO, biển số 66C-103.04, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 31/01/2023 cho Huỳnh Thanh T. Nguyên đơn đã cho ông T mượn lại xe để phục vụ nhu cầu đi lại của ông T và hai bên có làm giấy mượn xe vào ngày 03/02/2023.

Tính đến ngày 14/3/2024, ông T chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 118.772.000 đồng (bao gồm gốc, lãi và phí). Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 14/3/2024, ông T còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 176.169.762 đồng, tiền lãi trong hạn 2.777.610 đồng, tiền lãi quá hạn 5.079.373 đồng, tiền quản lý hồ sơ 1.262.550 đồng và phí hao mòn tài sản 33.826.764 đồng, phạt vi phạm nghĩa vụ 1.660.340 đồng. Tổng cộng là 220.776.398 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ, phí hao mòn tài sản cho mượn và tiền phạt vi phạm; không yêu cầu xem xét, giải quyết, xử lý đối với tài sản cầm cố và giấy chứng nhận đăng ký xe. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn; tính đến ngày 05/9/2024, số tiền bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là tiền gốc 176.169.762 đồng, tiền lãi trong hạn 14.081.836 đồng, lãi quá hạn hiện chưa phát sinh do chưa hết thời hạn vay, tổng cộng là 200.983.084 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 06/9/2024 đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản có cầm cố và mượn tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C, hợp đồng được thực hiện tại thành phố C, tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Công ty C yêu cầu bị đơn trả cho nguyên vay gốc 176.169.762 đồng, tiền lãi trong hạn 14.081.836 đồng, tổng cộng là 200.983.084 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 06/9/2024 đến khi thanh toán xong nợ. Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết về nội dung yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét hợp đồng cầm cố ngày 03/02/2023 thể hiện bị đơn có vay của Công ty C số tiền 220.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, trả gốc, lãi, phí hàng tháng, lãi suất trong hạn 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (1.65%/tháng), mục đích vay là phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả vốn, lãi và phí được số tiền 118.772.000 đồng, trong đó tiền gốc là 43.830.238 đồng, lãi 25.420.445 đồng, phí quản lý hồ sơ 11.554.748 đồng và phí hao mòn xe 37.977.570 đồng. Từ ngày 31/01/2024 đến nay, bị đơn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi. Tính đến ngày 05/9/2024, bị đơn còn nợ số tiền gốc là 176.169.762 đồng, lãi trong hạn 14.081.836 đồng. Tổng cộng gốc và lãi còn nợ là 200.983.084 đồng.

Do vậy, bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là 200.983.084 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về xử lý tài sản cầm cố và giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với tài sản cầm cố (giấy chứng nhận đăng ký xe): Tài sản cầm cố hiện đã cho bị đơn mượn lại, nguyên đơn chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe của bị đơn và nguyên đơn sẽ tự thực hiện việc giao trả giấy đăng ký xe khi bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

Buộc ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty C số tiền vốn và lãi 200.983.084 đồng, trong đó tiền gốc là 176.169.762 đồng, lãi trong hạn 14.081.836 đồng.

Ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố ngày 03/02/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của C về việc yêu cầu ông Huỳnh Thanh T trả tiền phí quản lý hồ sơ, phí hao mòn tài sản cho mượn và tiền phạt vi phạm.

3. Về giải quyết, xử lý tài sản cầm cố và giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản cầm cố: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.049.154 đồng.

Công ty C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.587.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009840 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THADS TPCL,
(khi có hiệu lực);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân